

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 198/2023/DS-PT

Ngày: 17-5-2023

V/v tranh chấp hợp đồng

mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Phận

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2023/TLPT-DS ngày 30 tháng 3 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2023/DS – ST ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1098/2023/QĐ – PT ngày 17 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Huỳnh Văn G, sinh năm 1965. Địa chỉ: số nhà A, ấp L, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Thị Yến N, sinh năm 1990. Địa chỉ: số nhà B, ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre (xin xét xử vắng mặt).

2. **Bị đơn:**

2.1. Ông Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1968 (có mặt);

2.2. Bà Trương Bích T, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: số nhà D, ấp L, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Ông Trần Xuân K, sinh năm 1990. Địa chỉ: ấp B, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Người kháng cáo: bị đơn Nguyễn Ngọc P, Trương Bích T.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Văn G, quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Huỳnh Văn G có bán thức ăn chăn nuôi cho ông Nguyễn Ngọc P và bà Trương Bích T để nuôi heo, phát triển kinh tế gia đình. Hai bên thỏa thuận là khi ông G giao thức ăn chăn nuôi cho ông P và bà T thì sẽ ghi vào sổ giao hàng, ông P ký nhận; đến mỗi đợt bán heo thì ông P và bà T sẽ trả tiền cho ông G, sau đó ông G mới giao hàng tiếp. Lúc đầu, hai bên mua bán thuận lợi, sau mỗi đợt bán heo, có khi ông P và bà T trả đủ tiền cho ông G, có khi trả không đủ và ông G đồng ý cho nợ lại. Đến ngày 22/8/2019, hai bên tổng kết thì ông P và bà T còn nợ ông G 330.095.000 đồng. Ngày 24/11/2020, ngày 17/6/2021 và ngày 16/6/2022, ông P và bà T đã trả cho ông G được 40.000.000 đồng, còn nợ lại 290.095.000 đồng.

Ông G nhiều lần yêu cầu nhưng vợ chồng ông P không trả tiền nên ông khởi kiện yêu cầu ông P và bà T liên đới trả số tiền là 309.919.000 đồng, gồm nợ gốc là 290.095.000 đồng, nợ lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 17/6/2022 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm ngày 24/02/2023 là 19.824.000 đồng và yêu cầu tính lãi đến khi trả hết nợ. Ông G không đồng ý cho ông P và bà T trả dần.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Ngọc P và bà Trương Bích T trình bày:

Ông bà là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã B (nay là thành phố B) vào ngày 22/01/2003. Ông bà có mua thức ăn chăn nuôi của ông G để nuôi heo đúng như lời trình bày của ông G. Do làm ăn thua lỗ nên từ ngày 16/6/2022 đến nay ông bà còn nợ lại ông G 290.095.000 đồng.

Ông bà đồng ý liên đới trả cho ông G số nợ gốc là 290.095.000 đồng nhưng xin được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng. Ông bà không đồng ý trả lãi do ông bà không có khả năng trả và khi mua bán hai bên không có lập hợp đồng, không có thỏa thuận về lãi suất.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2023/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã căn cứ vào khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 430, 440 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn G: Buộc ông Nguyễn Ngọc P và bà Trương Bích T liên đới trả cho ông Huỳnh Văn G số tiền tổng cộng là 309.919.000 đồng, trong đó nợ gốc là 290.095.000 đồng và nợ lãi là 19.824.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, lãi chậm thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13/3/2023, bị đơn Nguyễn Ngọc P, Trương Bích T kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm cho ông bà được trả dần số tiền 290.095.000 đồng, mỗi tháng trả 5.000.000 đồng, ông P và bà T không đồng ý trả lãi và tiền án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị đơn Nguyễn Ngọc P, Trương Bích T giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, xét kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc P, bà Trương Bích T, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ theo Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt phía nguyên đơn.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn Nguyễn Ngọc P, Trương Bích T:

Nguyên đơn và bị đơn thống nhất giữa hai bên có hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi, theo thỏa thuận nguyên đơn giao thức ăn chăn nuôi cho bị đơn nuôi heo, bị đơn phải trả tất nợ sau mỗi đợt bán heo, nhưng bị đơn trả tiền không đầy đủ đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền quy định tại Điều 440 Bộ luật Dân sự. Mặt khác, giữa các bên không có thỏa thuận về việc trả dần và nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu

bị đơn nên không có cơ sở cho bị đơn được trả dần số tiền còn nợ mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Sau khi hai bên kết thúc việc mua bán, đến ngày 16/6/2022 ông P và bà T còn nợ ông G số tiền 290.095.000 đồng, như vậy kể từ ngày 16/6/2022 ông P và bà T phải có nghĩa vụ trả cho ông G số tiền còn nợ nhưng ông bà không thực hiện, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông G. Theo quy định khoản 1 Điều 357 Bộ luật Dân sự “*Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả*”, do đó, bản án sơ thẩm áp dụng quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn với mức lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày 17/6/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 24/02/2023, buộc bị đơn trả số tiền lãi 19.824.000 đồng là có căn cứ.

Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên theo quy định Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí. Ông P và bà T kháng cáo không đồng ý chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh ông bà thuộc trường hợp miễn, giảm án phí được quy định tại Điều 12, 13 Nghị quyết số 326.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn có nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm là phù hợp, kháng cáo của bị đơn không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm, nguyên đơn có yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của bị đơn là thửa đất số 84, tờ bản đồ số 4, diện tích 2092,5m², tọa lạc tại xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre, được Tòa án chấp nhận và ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 960/2023/QĐ-BPKCTT ngày 05 tháng 4 năm 2023. Theo đơn xin xét xử vắng mặt ngày 15/5/2023, nguyên đơn yêu cầu tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời do đó để đảm bảo thi hành án cần tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời đã áp dụng.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Kháng cáo không được chấp nhận nên ông P, bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc P, bà Trương Bích T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2023/DS – ST ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 126, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 430, 440 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn G:

Buộc ông Nguyễn Ngọc P và bà Trương Bích T liên đới trả cho ông Huỳnh Văn G số tiền là 309.919.000 đồng, trong đó nợ gốc là 290.095.000 đồng và nợ lãi là 19.824.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 960/2023/QĐ-BPKCTT ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Ngọc P và bà Trương Bích T phải liên đới nộp 15.496.000 đồng.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre hoàn trả lại cho ông Huỳnh Văn G số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.493.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000068 ngày 12/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: ông Nguyễn Ngọc P và bà Trương Bích T mỗi người phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp

theo các biên lai thu số 0003178, 0003179 cùng ngày 29/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- TAND huyện Giồng Trôm (1b);
- Chi Cục THADS huyện Giồng Trôm (1b);
- Các đương sự (3b);
- Phòng KTNV và THA (1b);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP (3b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Dũng